

**TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **467**/TCTLTMB-KHQLV

Hà Nội, ngày **19** tháng 06 năm 2025

V/v công bố thông tin của doanh
nghiệp theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp trong đó có nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Tổng công ty Lương thực miền Bắc trân trọng báo cáo Bộ Tài chính về nội dung thông tin công bố: Biểu số 03: Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Tổng công ty Lương thực miền Bắc (*Chi tiết theo biểu đính kèm*).

Tổng công ty Lương thực miền Bắc trân trọng báo cáo. /...*thc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, KSV, TGD (đề b/c);
- Ban TCKT, ĐTXD, TCNS;
- Tổ QL Website;
- Lưu: VT, KHQLV. /...

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Thanh Bằng

Biểu số 03



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

TCT LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
MSDN: 0100102608

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch

- Sản lượng lương thực bán ra toàn Tổng công ty năm 2024 (quy gạo) là 2.079.599 tấn đạt 144,7% kế hoạch (KH: 1.436.769 tấn), trong đó lượng lương thực Công ty mẹ bán ra trong năm là 1.186.763 tấn đạt 142,4% kế hoạch.

- Sản lượng gạo xuất khẩu toàn Tổng công ty năm 2024 là 1.264.098 tấn đạt 168,5% Kế hoạch (KH: 750.000 tấn), trong đó Công ty mẹ là 939 nghìn tấn đạt 159,5% so với kế hoạch (KH: 589.000 tấn). Kim ngạch xuất khẩu toàn Tổng công ty đạt 772 triệu USD, bằng 188,7% kế hoạch; trong đó kim ngạch xuất khẩu của Công ty mẹ đạt 569 triệu USD, bằng 179% kế hoạch.

- Hợp cộng tổng doanh thu, thu nhập toàn Tổng công ty năm 2024 đạt 30.399.849 triệu đồng đạt 164,2 % kế hoạch. Trong đó, Tổng doanh thu Công ty mẹ là 17.495.928 triệu đồng đạt 165,7% so với Kế hoạch.

- Lợi nhuận hợp cộng năm 2024 là 326.970 triệu đồng đạt 113,1% kế hoạch. (Lợi nhuận hợp nhất trước thuế toàn Tổng công ty sau kiểm toán năm 2024 là 376.340 triệu đồng). Trong đó, lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ là 282.190 triệu đồng đạt 102,1% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ là 225.761 triệu đồng đạt 106% kế hoạch. Nộp ngân sách của Công ty Mẹ - Tổng công ty: 249 tỷ đồng.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty mẹ đạt 4,45%, bằng 106,82% kế hoạch được giao.

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1 Thuận lợi

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ liên tục có lãi, tình hình tài chính ổn định, lành mạnh, tạo được uy tín cao với các tổ chức tín dụng và ngân hàng. Nhờ đó, Tổng công ty luôn chủ động về nguồn vốn để tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tập thể Lãnh đạo, cán bộ công nhân viên toàn Tổng công ty có truyền thống đoàn kết, tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách để đạt mục tiêu chung, hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị và các chỉ tiêu kế hoạch quan trọng được cấp trên giao.

- Các nhiệm vụ lớn phục vụ cho nhiệm vụ nhiệm kỳ giai đoạn 2021-2025 như Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm, Đề án cơ cấu lại 05 năm đều được hoàn thành theo đúng chỉ đạo của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Năm 2024 là năm thuận lợi đối với xuất khẩu gạo lợi nhờ nhu cầu cao từ các nước nhập khẩu gạo lớn. Tổng công ty đã tận dụng tốt cơ hội, đẩy mạnh mở rộng thị trường, đạt kỷ lục về sản lượng và giá trị, tiếp tục giữ vị trí đứng đầu cả nước về xuất khẩu gạo. Uy tín thương hiệu của Tổng công ty ngày một nâng cao với đối tác trong và ngoài nước.

2.2 Khó khăn

- Mặc dù năm 2024 ghi nhận mức xuất khẩu gạo đạt kỷ lục, song các doanh nghiệp trong ngành vẫn gặp nhiều thách thức do thị trường gạo biến động mạnh. Giá lúa gạo trong nước liên tục tăng giảm với biên độ có lúc lên tới 1.000 đồng/kg/ngày, do đó một số hợp đồng chưa có sẵn chân hàng không đạt hiệu quả, thậm chí thua lỗ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phần nhiều các đơn vị thành viên có nội lực hạn chế về vốn, cơ sở vật chất, nhân lực và thị trường. Trong bối cảnh thị trường biến động mạnh, điều này tạo thêm áp lực và rủi ro cho hoạt động của các đơn vị thành viên.

2.3 Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Năm 2024 là năm có nhiều yếu tố thuận lợi đối với ngành lúa gạo Việt Nam và đã đạt được nhiều thành tựu. Xuất khẩu gạo nước ta năm nay đã đạt kỷ lục cả lượng và kim ngạch. Tổng công ty cũng đã nỗ lực tận dụng cơ hội này để có kết quả xuất khẩu lớn nhất từ trước đến nay, giữ vững vị trí đứng đầu cả nước về xuất khẩu gạo. Nhờ đó Tổng doanh thu năm 2024 của toàn Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con cũng đạt cao kỷ lục, lần đầu tiên vượt mức 1 tỷ USD (Tổng doanh thu toàn Tổ hợp đạt 30.400 tỷ VNĐ tương đương 1,23 tỷ USD).

Tuy nhiên do giá cả biến động mạnh, giá trong nước luôn ở mức cao, chênh lệch giữa giá gạo trong nước và giá xuất khẩu thấp, thậm chí có hợp đồng giá xuất khẩu còn thấp hơn giá thu mua trong nước. Do vậy hiệu quả kinh doanh lúa gạo chưa tương xứng với doanh thu đạt được.

Mặt hàng sản phẩm nay cũng rất khó khăn do cầu giảm dẫn đến giá liên tục sụt giảm gây thua lỗ cho một số đơn vị kinh doanh mặt hàng này.

Ngoài ra, cơn bão số 3 (Yagi) cũng gây thiệt hại đáng kể cho một số đơn vị thành viên của Tổng công ty.

Các đơn vị kinh doanh mặt hàng lúa mỳ vẫn duy trì hoạt động hoạt động ổn định và tăng trưởng tốt, mặt hàng muối cũng có nhiều cải thiện. Tổng công ty cũng tiếp tục tận dụng các cơ hội để thu mua, mở rộng kinh doanh đối với các mặt hàng nông sản khác.

Nhìn chung năm 2024, Tổng công ty có sự tăng trưởng vượt bậc về doanh thu, xuất khẩu và tiếp tục hoạt động hiệu quả, hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu chính kế hoạch cả năm được giao. Vốn nhà nước được bảo toàn và phát triển, hoạt động xuất khẩu gạo gia tăng thị phần tại một số thị trường tiềm năng, hoạt động thu mua tiêu thụ nông sản nội địa tiếp tục mở rộng tại nhiều địa bàn, tạo đà cho việc tổ chức triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2025. Các nhiệm vụ lớn phục vụ cho nhiệm vụ nhiệm kỳ giai đoạn 2021-2025 như Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm, Đề án cơ cấu lại 05 năm đều được hoàn thành theo đúng chỉ đạo của cấp trên.

Bảng số 1: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Lương thực miền Bắc năm 2024

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch (Cty mẹ)	Giá trị thực hiện (Cty mẹ)	Giá trị thực hiện Tổ hợp Cty mẹ - Cty con (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Gạo	Tấn	160.720	211.200	324.462
b)	Tầm, cám	Tấn	79.625	99.351	118.321
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.560	17.496	30.400
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	267	282	327
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	213	226	259
5	Thuế, khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	206	249	359
6	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	318	569	772
7	Sản phẩm dịch vụ công ích				
8	Tổng số lao động	Người	350	332	1.483
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	62,65	62,80	138,90

a)	Quỹ lương Người quản lý Tổng công ty	Tỷ đồng	6,27	5,40	5,40
b)	Quỹ lương Người lao động	Tỷ đồng	56,38	57,40	133,50

Ghi chú: Để đảm bảo tính so sánh trên cơ sở Kế hoạch xây dựng cho toàn Tổ hợp là Kế hoạch Tổng hợp, số liệu trong Phụ lục này là số liệu tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch của cả Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con, không phải là số liệu hợp nhất.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

Trong năm 2024, Tổng công ty Lương thực miền Bắc tổ chức thực hiện chủ yếu các dự án nhóm C (dưới 15 tỷ đồng)

Bảng số 2: Tình hình thực hiện đầu tư của Tổng công ty

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ.đ)	Vốn chủ sở hữu (tỷ.đ)	Vốn vay (tỷ.đ)	Vốn khác (tỷ.đ)	Tổng giá trị thực hiện đến thời điểm báo cáo (tỷ.đ)	Thời gian thực hiện dự án
Dự án quan trọng quốc gia	0						
Dự án nhóm A	0						
Dự án nhóm B	0						

Năm 2024, Công ty mẹ Tổng công ty Lương thực miền Bắc không thực hiện đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B mà chủ yếu là các dự án nhóm C đầu tư hệ thống máy móc thiết bị, hệ thống PCCC, xây dựng cầu cảng xuất nhập hàng... cho các nhà máy chế biến gạo tại Đồng bằng sông Cửu Long.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Năm 2024, đối với các Công ty con của Tổng công ty, cũng không thực hiện đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B mà chủ yếu là các dự án nhóm C đầu tư hệ thống máy móc thiết bị, hệ thống phòng cháy chữa cháy cho các nhà máy chế biến gạo.

Bảng số 3: Tình hình đầu tư và sản xuất kinh doanh tại các công ty con do Công ty mẹ nắm cổ phần, vốn góp chi phối

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tổng vốn đầu tư của Công ty mẹ	Tổng tài sản	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận nộp về Công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp NSNN	Tổng nợ phải trả
1	Cty MTV Muối Việt Nam	43.691	28.399	68.931	108.446	495	495		744	35.935
2	Cty CP Bột mỳ Vinafood1	242.000	236.627	476.333	658.202	4.310	1.953	1.988	34.439	229.757
3	Cty MTV LT Lương Yên	35.445	34.787	22.814	541.418	206	206		895	10.720
4	Cty XNK LT Hà Nội	30.000	15.300	181.496	1.111.866	3.218	2.220	612	15.428	77.517
5	Cty CP LT Vĩnh Hà	215.000	109.650	358.494	590.229	4.945	4.945	3.783	19.613	129.769
6	Cty CP phân phối Bán lẻ	173.905	139.629	122.555	199.146	166	133		4.177	21.760
7	Cty CP LT Hà Sơn Bình	17.890	9.124	34.906	45.522	(25)	(25)		2.447	16.505
8	Cty CP LT Hà Bắc	18.847	9.654	102.823	815.136	1.623	1.257		4.005	174.220
9	Cty CP LT Đông Bắc	36.792	31.898	53.918	487.360	1.770	1.396		6.842	11.606
10	Cty CP LT Cao Lạng	10.770	6.900	138.209	461.230	353	282	138	1.895	125.632
11	Cty CP LT Thái Nguyên	8.800	6.792	10.899	89.155	348	276	68	1.388	1.322
12	Cty CP LT Tuyên Quang	5.000	3.801	26.165	285.683	905	724		871	21.502
13	Cty CP LT Hà Giang	10.000	4.452	17.527	47.491	74	59	34	388	6.895
14	Cty CP LT Yên Bái	5.403	4.413	18.780	260.443	131	105		1.338	12.458
15	Cty CP LT Sơn La	12.000	6.138	37.314	134.799	(10.723)	(10.723)		2.451	39.283
16	Cty CP LT tỉnh Đ.Biên	5.000	3.616	6.135	45.698	270	216		285	233
17	Cty CP LT Nam Định	11.875	6.056	10.178	105.790	11	11		1.943	4.786
18	Cty CP LT Sông Hồng	11.200	5.712	48.107	315.951	268	26	160	2.293	34.523
19	Cty CP LT Thanh N.Tĩnh	45.000	38.250	16.042	100.228	252	252		1.665	98.638
20	Cty CP LT Thanh Hoá	10.500	6.825	45.098	287.104	300	210	95	2.379	29.874
21	Cty CP LT Hà Tĩnh	15.000	10.130	29.500	568.223	643	514	203	306	10.124
22	Cty LT Bình Trị Thiên	24.366	12.427	14.847	133.184	762	610		2.134	3.709
23	Cty Muối & NS Miền Trung	7.081	3.682	17.682	60.236	268	243		351	9.733
24	Cty Phương Đông	302.843	202.410	1.375.033	5.451.380	34.208	27.393	2.487	5.864	1.018.272
	Cộng Công ty con	1.298.409	936.672	3.233.785	12.903.920	44.780	32.778	9.568	114.141	2.124.772

Ghi chú (1): Chỉ tiêu Tổng nợ phải trả ngoài nợ vay ngân hàng, còn bao gồm các khoản mục khác như Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, dài hạn, Người mua trả tiền trước, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các khoản phải trả khác...